

Bản án số: 598/2024/HS-PT
Ngày 24-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Trần Văn Đạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 874/2023/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Lê Võ Hoàng Y cùng đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Lê Võ Hoàng Y, Nguyễn Thị G đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Võ Hoàng Y, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; đăng ký thường trú: Số B Tổ I, Khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 383/AH ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán Trường trung học cơ sở A; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn R, sinh năm 1954 và bà Võ Thị R1, sinh năm 1961; chồng: Nguyễn Quốc M, sinh năm 1986 (đã ly hôn); con: có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

2. Nguyễn Thị G, sinh năm 1968 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Nguyên Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở A; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Trần Thị T1 (chết);

chồng: Trương Văn C, sinh năm 1967; con: có 01 người con sinh năm 2000; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. *(Có mặt)*

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Y: Luật sư Đặng Thị Nhật K - Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Vắng mặt)*

**Người bào chữa cho bị cáo Y:* Luật sư Trần Minh H - Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

Địa chỉ: D N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Nguyên đơn dân sự:* Trường trung học cơ sở A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thanh B, sinh năm 1978 – Hiệu trưởng. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số A Khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- Bà Thượng Thị Bích E, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số B N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- Ông Lê Văn R, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Số B Khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

- Ông Cao Văn H1, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Số 344/AQ ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

- Ông Cao Văn H2, sinh năm 1983; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

- Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1982; Nơi cư trú: ấp A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

- Bà Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Số 105/GCH ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Trung học cơ sở A (THCS) A là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động, tổng nguồn thu chi thường xuyên của T3 chủ yếu do Ngân sách Nhà nước cấp và thu học phí từ học sinh. Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2020, Nguyễn Thị G là Hiệu trưởng, chủ tài khoản; Lê Võ Hoàng Y là kế toán (Y được bổ nhiệm Kế toán trưởng Trường THCS A vào ngày 02/02/2015, thời gian bổ nhiệm 05 năm theo Quyết

định số 118/QĐ-THCS của Trường THCS A); phụ trách thủ quỹ: bà Nguyễn Thị V.

Theo Kết luận thanh tra số: 4719/KL-UBND ngày 30/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Hiệu trưởng và bộ phận tài chính của Trường THCS A đã có hành vi nâng khống hệ số lương, hệ số phụ cấp của giáo viên, nhân viên trường khi lập bảng dự toán quỹ tiền lương biên chế từ năm 2017- 2020 với tổng số tiền được giao dự toán dư là 2.627.752.000 đồng. Trong đó, đã sử dụng hết 1.718.208.417 đồng được phân bổ trong 04 năm (năm 2017: 504.536.000 đồng; năm 2018: 237.751.000 đồng; năm 2019: 732.590.000 đồng; năm 2020: 243.331.417 đồng). Số còn lại 909.543.583 đồng, đã thu hồi nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 30/12/2020, Ủy ban nhân dân huyện B có công văn số: 4720/UBND-NC chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm nêu trên sang Cơ quan điều tra để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2020, Lê Võ Hoàng Y đã có hành vi tự ý nâng khống hệ số lương cao hơn so với hệ số lương giáo viên, nhân viên Trường THCS A thực nhận để đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện B cấp dự toán tiền lương hằng năm nhiều hơn so với thực tế số tiền lương trả cho giáo viên, nhân viên. Dự toán tiền lương từ năm 2017 đến năm 2020 mà Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện B đã cấp cho Trường THCS A là 24.841.647.417 đồng, trong đó số tiền thực tế đã chi lương cho giáo viên là 22.401.441.223 đồng, số tiền còn dư ra do nâng khống hệ số lương là 2.440.206.194 đồng. Trong đó, Trường THCS A đã sử dụng số tiền 1.597.369.611 đồng; số tiền còn lại 842.836.583 đồng chưa sử dụng hết.

Kết quả kiểm tra, đối chiếu hóa đơn, chứng từ chi hoạt động của Trường THCS A trong khoảng thời gian từ năm 2017-2020 xác định: Lê Võ Hoàng Y lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao đã sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn để chiếm đoạt tổng số tiền 1.401.504.571 đồng của Trường THCS A, cụ thể: Y giả chữ ký chủ tài khoản là Nguyễn Thị G trên chứng từ chi chuyển khoản qua kho bạc như giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán/tạm ứng, giấy ủy nhiệm chi rồi sử dụng con dấu của Trường THCS A đóng dấu, chuyển đến Kho bạc huyện B chi thanh toán để chiếm đoạt tổng số tiền 1.009.174.038 đồng; lợi dụng sự thiếu kiểm tra của Nguyễn Thị G, Y lập khống, nâng khống hóa đơn, chứng từ, đưa cho Nguyễn Thị G ký rồi sử dụng con dấu của Trường THCS A đóng dấu, chuyển đến Kho bạc huyện B chi thanh toán để chiếm đoạt số tiền 392.330.533 đồng. Y thực hiện việc giả chữ ký của G bằng cách sử dụng chữ ký thật của G để lên trên chứng từ, hóa đơn cần ký giả, sau đó Y dùng viết đồ lên chữ ký thật để làm sao chữ ký của G in hằn lên chứng từ, hóa đơn cần làm giả, rồi Y dùng viết tô lại nét in hằn này thành chữ ký của G.

Qua điều tra xác định các cá nhân sau đây có phát sinh giao dịch mua, bán với Trường THCS A và xuất hóa đơn bán hàng cho Trường THCS A để quyết toán có liên quan đến số tiền Y chiếm đoạt, bao gồm:

STT	Tên cá nhân xuất hóa đơn	Số tiền chi chuyển khoản qua kho bạc	Hóa đơn, chứng từ chi đúng quy định	Hóa đơn, chứng từ chi không đúng quy định
1	Lê Văn Rong (buôn bán nhỏ, lẻ)	478.334.864	118.262.741	360.072.123
2	Thượng Thị Bích Em (văn phòng phẩm Hòa Bình)	348.063.500	28.697.000	319.366.500
3	Cao Văn Hùng (mua bán, sửa chữa thiết bị tin học, văn phòng)	228.242.000	216.192.000	12.050.000
4	Cao Văn Hiền (thợ hồ)	1.004.880.145	297.238.000	707.642.145
5	Cá nhân nhỏ, lẻ khác	49.803.501	47.429.698	2.373.803
Tổng cộng		2.109.234.010	707,819,439	1.401.504.571

Việc Y chiếm đoạt tổng số tiền 1.401.504.571 đồng do kho bạc chuyển khoản cho các cá nhân nêu trên được thực hiện bằng cách: Sau khi chứng từ chi chuyển khoản của Trường THCS A được kho bạc duyệt chi và chuyển khoản cho các cá nhân như ông Lê Văn R, ông Cao Văn H1, bà Thượng Thị Bích E, ông Cao Văn H2 thì những người này rút ra đưa tiền hoặc chuyển khoản lại cho Y; riêng trường hợp của ông Lê Văn R, ông Cao Văn H1 thì Y giữ thẻ ATM để rút tiền hoặc Y cùng với những người này ra trụ ATM để thực hiện việc rút tiền mặt; đối với số tiền 2.373.803 đồng chi tiền điện thoại sáng tháng 1,2/2017, Y làm chứng từ chi chuyển khoản 2 lần cho Điện lực Ba Tri, sau đó Y giả chữ ký của Nguyễn Thị G làm thủ tục nhận lại tiền từ Điện lực huyện B để sử dụng cá nhân.

Nguyễn Thị G thừa nhận với vai trò là người đứng đầu đơn vị, chủ tài khoản đã có hành vi thiếu trách nhiệm, thiếu kiểm tra trong công tác quản lý thu chi tài chính của Trường THCS A dẫn đến kế toán Lê Võ Hoàng Y có hành vi nâng khống dự toán và lập hóa đơn, chứng từ khống chiếm đoạt tài sản nêu trên.

* Kết quả giám định:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, con dấu tất cả chứng từ rút dự toán, rút tiền mặt, ủy nhiệm chi của Trường THCS A từ năm 2017 đến năm 2020. Kết quả xác định có 138 chữ ký không phải của Nguyễn Thị G, các chữ ký còn lại đúng là của G, Y, V và con dấu là của Trường THCS A.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, con dấu trên hóa đơn thanh toán của Trường THCS A từ năm 2017 đến năm 2020. Kết quả xác định có 100 chữ ký duyệt chi không phải của Nguyễn Thị G, các chữ ký còn lại đúng là của G và con dấu là của Trường THCS A.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định tài chính đối với sai phạm xảy ra tại Trường THCS A từ năm 2017 đến năm 2020. Kết quả xác định số tiền thiệt hại cho Nhà nước từ năm 2017 đến năm 2020 là 1.418.561.571 đồng, sai phạm này quy định tại Điều 13, Điều 50 của Luật Kế toán năm 2015.

Tuy nhiên, sau khi có kết quả giám định, qua xác minh đối với một số chứng từ không đúng quy định nhưng có cơ sở chi thực tế nên xem xét chấp nhận trừ số tiền 2.425.000 đồng vào tổng số tiền thiệt hại cho Nhà nước 1.418.561.571 đồng. Còn đối với số tiền 14.632.000 đồng của chứng từ chi chuyển khoản của kho bạc ngày 25/11/2019, do chuyển nhầm, đã được Ngân hàng hoàn lại nên không có thất thoát số tiền 14.632.000 đồng. Vì vậy, tổng số tiền bị cáo Y chiếm đoạt là 1.401.504.571 đồng.

* Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành thu giữ của Trường THCS A 01 CPU máy vi tính, màu đen, mặt trước ghi dòng CASESP SUPER PRO (dòng chữ màu trắng) do Y sử dụng làm nhiệm vụ kế toán tại Trường từ năm 2017 đến năm 2020. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định phục hồi dữ liệu trên CPU này. Kết quả có rất nhiều file đã được phục hồi nhưng không có file nào liên quan trực tiếp đến quá trình sai phạm tại Trường THCS A từ năm 2017 đến năm 2020. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã xử lý vật chứng trả cho Trường THCS A.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành thu giữ của Lê Võ Hoàng Y 01 điện thoại Iphone 7 plus, màu vàng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định phục hồi dữ liệu trên điện thoại iphone 7 plus, màu vàng của Y sử dụng để nhắn tin, gọi điện trao đổi với G. Kết quả có rất nhiều file đã được phục hồi nhưng không có file nào liên quan trực tiếp đến quá trình sai phạm tại Trường THCS A từ năm 2017 đến năm 2020.

- Bị cáo Nguyễn Thị G nộp khắc phục hậu quả số tiền: 310.641.000 đồng, bị cáo Lê Võ Hoàng Y nộp số tiền 418.553.000 đồng và Thượng Thị Bích E nộp số tiền: 25.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua điều tra xác định đối với số tiền bị cáo G nộp khắc phục nêu trên thì trong đó có số tiền thu học phí của học sinh năm học 2020-2021 là 24.647.500 đồng (không phải là tiền cá nhân của G nộp khắc phục), cho nên Cơ quan điều tra đã hoàn trả lại cho Trường THCS A sử dụng để chi cho hoạt động của T3. Vì vậy, số tiền cá nhân Gái nộp khắc phục là 285.993.500 đồng. Tổng cộng, số tiền 03 cá nhân nêu trên đã nộp khắc phục là 729.546.500 đồng.

- Bị cáo Y khai nhận trước khi sự việc bị phát hiện thì Y có lấy tiền cá nhân để nộp lại cho Kho bạc Nhà nước huyện B bằng hình thức nộp tiền học phí của học sinh. Qua xác minh, đối chiếu xác định được số tiền cá nhân của Y đã nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện B là 268.875.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Y thừa nhận hành vi nâng khống hệ số lương của giáo viên để đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện B cấp dự toán tiền lương nhiều hơn so với thực tế phát sinh và sau đó rút ra sử dụng. Việc Y thực hiện nâng khống hệ số lương là theo sự chỉ đạo của bị cáo G, số tiền sau khi rút ra một số dùng để chi cho hoạt động của T3, một số có đưa cho bà Nguyễn Thị V - Thủ quỹ và Nguyễn Thị Kim L - nhân viên y tế của Trường THCS A theo sự chỉ đạo của G, còn lại một nửa lấy sử dụng cá nhân và một nửa chia cho bị cáo G (nhưng không nhớ từng khoản này là bao nhiêu) bằng tiền mặt, không có biên nhận, không có ai chứng kiến. Bị cáo G không thừa nhận lời trình bày của Y. Ngoài ra không có chứng cứ gì khác xác định bị cáo G đã bàn bạc chỉ đạo Y nâng khống dự toán và chia số tiền Y chiếm đoạt.

Tại Bản cáo trạng số: 26/CT-VKSBT-P1 ngày 22/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Lê Võ Hoàng Yến về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị G về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Võ Hoàng Y phạm tội “Tham ô tài sản”, bị cáo Nguyễn Thị G phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”;

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, v, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Võ Hoàng Y 16 (mười sáu) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G 02 (hai) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận bị cáo Lê Võ Hoàng Y đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 418.553.000 (bốn trăm mười tám triệu năm trăm năm mươi ba nghìn) đồng và nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện B trước khi sự việc bị phát hiện số tiền 268.875.000 (hai trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng;

- Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị G đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 285.993.500 (hai trăm tám mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm) đồng;

- Ghi nhận bà Thượng Thị Bích E tự nguyện nộp khắc phục hậu quả cho phần trách nhiệm của bị cáo Lê Võ Hoàng Y số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;

- Buộc bị cáo Lê Võ Hoàng Y bồi thường cho Trường trung học cơ sở A số tiền 403.083.071 (bốn trăm lẻ ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn không trăm bảy mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 05/10/2023, bị cáo Nguyễn Thị G có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Ngày 06/10/2023, bị cáo Lê Võ Hoàng Y có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại về số tiền bị cáo bị quy kết là chiếm đoạt do thực tế có sử dụng cho các hoạt động của trường, sau đó còn dư mới cùng chia với bị cáo G; tuy nhiên, án sơ thẩm quy kết toàn bộ trách nhiệm cho bị cáo do làm giả các bảng lương, quyết định nâng lương và rút tiền từ ngân sách để chiếm đoạt là oan ức cho bị cáo vì số tiền bị cáo được chia trong 04 năm chỉ hơn 400.000.000 đồng, bị cáo G mới là người quyết định mọi việc, kể cả chỉ đạo cho bị cáo chi thêm tiền cho cháu của bà G là bà Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Kim L; đề nghị xử phạt bị cáo với khoản nhẹ hơn trong cùng điều luật đồng thời xem xét trách nhiệm bị cáo Nguyễn Thị G là đồng phạm với vai trò chủ mưu đối với hành vi tham ô tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trong đơn kháng cáo.

Bị cáo Y xuất trình 02 file ghi âm và trình bày đây là nội dung trao đổi giữa bị cáo với bị cáo G trong việc hợp thức hoá các chứng từ đã sử dụng để rút tiền từ Kho bạc để đối phó với cơ quan điều tra. Ngoài ra, bị cáo Y còn xuất trình bảng liệt kê các danh mục chi thực tế và một số chứng từ chi trả tiền mua văn phòng phẩm, chi phí sửa chữa thiết bị văn phòng, sửa chữa một số phòng ốc của Trường THCS A cùng với phiếu siêu âm xác định bị cáo đang mang thai.

Bị cáo Y thừa nhận trong các năm từ 2017 đến 2020 đã thực hiện hành vi nâng khống hệ số lương và phụ cấp của giáo viên, nhân viên trong trường để lập dự toán trình Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện B xem xét phê duyệt kinh phí chi lương; bị cáo trực tiếp làm các quyết định nâng lương khống trình bị cáo G ký để

đính kèm theo bảng dự toán, hàng tháng bị cáo làm 02 bảng lương trình cho bị cáo G ký: một bảng lương theo bậc lương đã nâng khống gửi Kho bạc để rút tiền, một bảng lương gửi Ngân hàng N để chi theo mức lương đúng ngạch bậc của từng giáo viên, nhân viên trong trường. Khoản tiền chênh lệch từ việc này bị cáo đã làm thủ tục chi qua hình thức chuyển khoản chi trả các khoản mua sắm, sửa chữa cho các cá nhân như Cao Văn H2, Lê Văn R, Thượng Thị Bích E, Cao Văn H1... sau đó những người này giao tiền lại cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng việc làm này được thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo G, khoản tiền chênh lệch đã chiếm đoạt bị cáo chỉ sử dụng cá nhân hơn 400.000.000 đồng, phần còn lại hơn 800.000.000 đồng trong số tiền bị quy kết chiếm đoạt bị cáo chia cho bị cáo G và sử dụng vào các khoản chi do phát sinh không đúng quy định ở các mục được phép chi cho hoạt động của trường như liên hoan, lễ tết và quà biếu theo 22 mục chi bị cáo liệt kê và xuất trình trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Bị cáo chấp nhận sai đến đâu chịu trách nhiệm đến đó, nhưng buộc một mình bị cáo chịu trách nhiệm toàn bộ kể cả khoản tiền hơn 800.000.000 đồng còn lại cho bị cáo là oan uổng. Ngoài ra, bị cáo còn yêu cầu xem xét lại tội danh và vai trò của bị cáo G trong vụ án này.

Bị cáo Nguyễn Thị G phủ nhận việc bị cáo Y cho rằng bị cáo chỉ đạo Y thực hiện nâng khống bậc lương và phụ cấp của giáo viên, nhân viên của trường để chiếm đoạt khoản tiền chênh lệch chia nhau sử dụng do bị cáo không có kiến thức về kế toán, lại tin tưởng hoàn toàn vào Y nên khi trình ký các văn bản bị cáo không phát hiện được sai sót; có lúc Y còn trình ký lại các quyết định nâng lương, bảng lương mới hoặc bảng dự toán do có sai sót bị cáo cũng ký luôn mà không thu lại các bản cũ. Bị cáo không hưởng lợi bất cứ khoản tiền nào từ việc Y chiếm đoạt tiền chênh lệch do nâng khống bậc lương mà do thiếu kiểm tra nên Y đã qua mặt bị cáo, qua mặt lãnh đạo trường. Cụ thể trong quá trình điều tra đã xác định bị cáo Y giả chữ ký của bị cáo trên 138 tài liệu, nếu bị cáo có chỉ đạo, có bàn bạc với Y thì không có lý do gì Y phải giả chữ ký của bị cáo. Lời khai của Y về hành vi của bị cáo cũng không thống nhất, Y không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh được việc chia tiền cho bị cáo hay cho cô V, cô L. Còn những khoản chi cho giáo viên dịp lễ, tết hay liên hoan bị cáo đều chỉ đúng theo Quy chế chi tiêu nội bộ đã được ban hành ở trường, Y không phải sử dụng khoản nào từ số tiền đã quy kết để chi trả và cũng không xuất trình được chứng từ nào. Bị cáo thừa nhận bị cáo có sai trong quản lý tài chính để xảy ra thiệt hại cho ngân sách, phần nào đã chỉ cho hoạt động của trường được kết luận thanh tra chỉ ra thuộc trách nhiệm của bị cáo thì bị cáo đã tự nộp lại. Án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là đúng với sai phạm của bị cáo. Bị cáo kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo để chăm sóc chồng bị bệnh nặng do bị cáo đã có thời gian dài cống hiến cho ngành giáo dục, gia đình có công, bị cáo đã thành khẩn nhận sai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: các cơ quan tố tụng ở cấp sơ thẩm và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định về tố tụng. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: xét hành vi của các bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, bản án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ chính xác để xét xử các bị cáo với tội danh và điều khoản như đã nêu. Bị cáo Nguyễn Thị G kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, án sơ thẩm đã vận dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo để tuyên phạt tương xứng nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo G, đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo này.

Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Võ Hoàng Y kêu oan về số tiền bản án sơ thẩm đã quy kết trách nhiệm hình sự cho bị cáo do hành vi nâng khống hệ số lương và phụ cấp, cho rằng khoản tiền đó đã chi cho các hoạt động của trường và chia cho bị cáo G nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Quy kết bị cáo Y là không oan nhưng hình phạt đã tuyên đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã được ghi nhận tại án sơ thẩm, hiện đang mang thai nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ cho bị cáo từ 01 đến 02 năm tù.

Về yêu cầu kháng cáo xem xét lại tội danh của bị cáo G là Tham ô tài sản với vai trò chủ mưu, cầm đầu: bị cáo Y có cung cấp các file ghi âm và cho rằng nội dung có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo G, tuy nhiên thời điểm diễn ra các cuộc nói chuyện này là sau khi vụ án bị khởi tố, và cũng không có chứng cứ cụ thể về việc bị cáo G đã có bàn bạc, chỉ đạo với bị cáo; trong danh sách 22 mục đã chi do bị cáo Y liệt kê cũng không có chứng từ nào kèm theo chứng minh là thực chi nên kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở.

Người bào chữa của bị cáo Y trình bày:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ và chứng cứ bị cáo xuất trình thêm trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, thấy rằng các cơ quan tố tụng ở cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ không khách quan đối với hành vi của các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã có yêu cầu điều tra bổ sung nhưng Cơ quan Điều tra không thực hiện và Viện Kiểm sát vẫn lập luận giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo. Tại Bút lục 327, chính bị cáo G đã thừa nhận: “*Y có làm dư ra để chi, chỉ có tôi và Y biết*”. Như vậy, số tiền hơn 1,4 tỷ đồng bị quy kết trách nhiệm hình sự không phải chỉ có bị cáo Y tham ô mà còn có vai trò của bị cáo G. Số tiền đã chi cho giáo viên của trường và chi cho hoạt động các dịp lễ, tết, liên hoan, quà biếu... không có chứng từ hợp lệ và cũng có bút tích của bị cáo G phê duyệt. Đề nghị xem xét số tiền tương đương 400.000.000 đồng bị cáo Y thừa nhận đã chiếm đoạt thì số tiền hơn 800.000.000 đồng còn lại là chi cho hoạt động của trường, cho bị cáo G và các cá nhân khác như bà V, bà L. Bị cáo Y bị oan về số tiền cụ thể bị quy kết và vai trò trong vụ án chứ không phải oan sai về tội danh. Qua các tin nhắn bị cáo cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện bị cáo Y đã chi nhiều khoản tiền theo chỉ đạo của bị cáo G. Bản thân bị cáo G ký rất nhiều bảng lương, quyết định nâng lương nhưng trình bày không biết việc bị cáo Y làm là

không có cơ sở, chỉ là sự phủ nhận, nên bị cáo G vẫn có ý thức và hành vi cụ thể trong việc tham ô khoản tiền từ nâng khống hệ số lương giáo viên chứ không phải tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Về phía nhà trường cũng chỉ yêu cầu buộc bị cáo Y nộp lại tiền vi phạm nhưng không nêu cụ thể số tiền. T3 cũng thừa nhận có chi tiền đi tham quan nhưng giai đoạn sơ thẩm chưa làm rõ khoản chi này. Tại kết luận Thanh tra đã nêu sai phạm là của Trường Trung học cơ sở A, bị cáo G cũng có ký vào đơn có nội dung xin khắc phục một phần vì sai phạm nâng khống lương giáo viên, nhân viên của trường; lời khai ban đầu của ông Cao Văn H2 xác nhận bà G biết việc chuyển tiền khống cho ông và ông đã giao lại cho trường, nhưng sau đó lại thay đổi lời khai cho rằng bà G không biết cũng không được Cơ quan điều tra làm rõ sự mâu thuẫn. Các file ghi âm mà bị cáo và người bào chữa nộp trong giai đoạn xét xử phúc thẩm là trích từ tài khoản Icloud của bị cáo Y, trong đó có nhiều đoạn trao đổi giữa Y và bà G về việc lách các khoản tiền để chi, về việc bà G chỉ đạo Y chi các khoản tiền cho giáo viên, mua quà biếu, chi cho bà V, bà L, chi tiền tổ chức tiệc.... chứ bị cáo Y không tự ý thực hiện các việc chi tiêu này. Sao kê tài khoản ngân hàng cũng có khoản tiền bị cáo chuyển cho bà V, bà L. Tất cả các chứng cứ này khi có yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm đã không được Viện Kiểm sát và Cơ quan điều tra thực hiện mà chỉ trả lời giữ nguyên Cáo trạng là điều tra chưa đầy đủ, còn bỏ lọt người phạm tội là bà G và còn chưa xem xét những khoản tiền đã rút để chi sai quy định. Nếu không chứng minh được bị cáo chiếm đoạt mà chỉ làm theo chỉ đạo thì phải xem xét lại về số tiền nào phải trả lại theo quan hệ dân sự, khoản nào buộc trách nhiệm hình sự mới đúng thực tế, không làm oan cho bị cáo đối với số tiền mà bị cáo không chiếm đoạt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y, hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo để xét xử đúng người đúng tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình tiến hành tố tụng, cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc đảm bảo quyền bào chữa; các bị cáo đã tự nguyện khai báo không bị ép cung, nhục hình.

Tuy nhiên về thủ tục tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng đã xác định chưa đúng tư cách tham gia tố tụng của chủ thể bị thiệt hại: Căn cứ Thông tư số 47/2011/TTLT-BGDDT-BNV ngày 19/10/2011 của Bộ N1 hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 13/QĐ-GDDT ngày 04/02/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện B, tỉnh Bến Tre có kèm Quy chế làm việc của Phòng G (BL 862 – 870) thể hiện nhiệm vụ và quyền hạn của

Phòng Giáo dục và Đào tạo là “ ... 11. *Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo*” ...

Căn cứ Kết luận điều tra (BL 10416 – 10417) có nội dung từ năm 2017 đến năm 2020, Lê Võ Hoàng Y là kế toán của Trường THCS A đã nâng khống hệ số lương cao hơn so với hệ số lương giáo viên thực nhận đề Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện B cấp dự toán tiền lương nhiều hơn so với số tiền lương trả cho giáo viên, trong tổng số tiền đã cấp theo dự toán của giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2019 là 24.831.647.417 đồng thì số tiền thực chi lương đúng chỉ có 22.401.441.223 đồng; phần dư ra do nâng khống hệ số lương là 2.440.000.441.223 đồng, đây là phần bị cáo đã cố ý vi phạm để sử dụng không đúng quy định. Các cơ quan tố tụng đang quy kết các bị cáo chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền nâng khống này.

Như vậy, qua lời khai của các bị cáo và tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện tuy sự việc xảy ra tại đơn vị cụ thể nhưng đối tượng mà bị cáo chiếm đoạt là khoản tiền được cấp do nâng khống hệ số lương từ việc phê duyệt và phân bổ kinh phí của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện B, không phải là kinh phí chính thức cấp cho Trường THCS A nên nhà trường không phải là đơn vị bị thiệt hại về tài sản. Kết quả Điều tra cũng chỉ rõ do sơ xuất trong công tác kiểm soát, dẫn đến Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Ba Tri mới chấp nhận phê duyệt Bảng dự toán kinh phí hàng năm và kinh phí cụ thể của từng tháng do các bị cáo trình ký. Vì vậy tài sản bị chiếm đoạt là ngân sách thuộc quyền quản lý, phân bổ của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện B. Án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo bồi thường cho Trường THCS A là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi tố tụng của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện B. Cần xác định lại tư cách tham gia tố tụng cho chính xác vì thực chất vụ án là do bị cáo đã thực hiện hành vi nâng khống bậc lương của giáo viên để trình dự toán và đề xuất Phòng Giáo dục huyện cấp kinh phí hoạt động nhiều hơn so với thực tế để chiếm đoạt khoản tiền dôi dư.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/5/2024, bị cáo Lê Võ Hoàng Y xuất trình 01 USB chứa file ghi âm với nội dung được bị cáo tự ghi chép lại về các đoạn nói chuyện giữa bị cáo và bị cáo G liên quan đến khoản tiền chi lệch mà Cơ quan điều tra đang tiến hành làm việc với bị cáo Y. Đồng thời xuất trình các chứng từ chi trả cho các khoản mua sắm, sửa chữa của Trường THCS A. Do cần thời gian để kiểm tra lại các tài liệu vừa xuất trình nên Hội đồng xét xử đã dừng phiên tòa. Qua xem xét, các tài liệu, chứng cứ bị cáo xuất trình có đề cập đến những khoản chi cho giáo viên, cán bộ của trường, chi cho hoạt động chung các dịp lễ, tết và chi thực tế tuy chưa đảm bảo về danh mục được chi, thực hiện chi không đúng quy định mà bị cáo cho rằng việc chi này là thực tế, không mang tính chiếm đoạt cá nhân riêng bị cáo Y. Bị cáo chỉ thừa nhận hưởng lợi một phần trong số tiền kê khống để được cấp kinh phí dư nên theo nguyên tắc kế toán, cá nhân làm sai phải chịu trách nhiệm xuất toán để hoàn tiền cho ngân sách, phần nào đã hưởng lợi cá nhân mới xem là chiếm đoạt và phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, các tài liệu này chưa được xác minh, làm rõ với Trường THCS A nên Hội đồng xét xử chưa đủ cơ sở để đánh giá tại giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Với các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy về thủ tục tố tụng, cấp sơ thẩm đã có sai lầm nghiêm trọng trong việc xác định sai tư cách tham gia tố tụng của chủ thể bị thiệt hại, về thu thập chứng cứ còn chưa đầy đủ để giải quyết đúng đắn tất cả các vấn đề của vụ án. Các thiếu sót này không thể khắc phục trong giai đoạn xét xử phúc thẩm và có thể dẫn đến trường hợp làm ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, đến trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án và về tội danh, điều khoản truy tố, xét xử cũng như xác định trách nhiệm dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị G kháng cáo xin hưởng án treo do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bệnh nặng cần được chăm sóc và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã được ghi nhận trong án sơ thẩm; bị cáo Lê Võ Hoàng Y kháng cáo yêu cầu xem xét vai trò của bị cáo G là người chủ mưu trong việc nâng khống hệ số lương của giáo viên để sử dụng sai quy định các khoản chi trong hoạt động nhà trường và chia nhau chi xài cá nhân, khiếu nại về số tiền quy kết trách nhiệm hình sự và dân sự đối với bị cáo là không đúng. Xét theo các chứng cứ đã thu thập, thấy rằng:

Với việc nâng khống hệ số lương, hệ số phụ cấp của giáo viên, nhân viên trường khi lập bảng dự toán quỹ tiền lương biên chế từ năm 2017 – 2020 với tổng số tiền được giao dự toán dư là 2.627.752.000 đồng, đã sử dụng 1.718.208.417 đồng, còn lại 909.543.583 đồng thu hồi nộp ngân sách, thì thủ đoạn để chiếm đoạt được khoản tiền này đã được bị cáo thực hiện bằng việc rút hàng tháng với 02 bảng lương: 01 bảng lương gửi Kho bạc Nhà nước để được rút theo hệ số lương và phụ cấp nâng khống; 01 bảng được lập để gửi Ngân hàng N là lương và phụ cấp thực lãnh của giáo viên, nhân viên trường THCS A. Khoản tiền chênh lệch giữa 02 bảng lương này được rút thông qua chuyển khoản chi trả các đối tượng có giao dịch mua sắm tài sản hoặc sửa chữa đồ dùng, thiết bị trong trường như Cao Văn H1 (707.642.145 đồng); Lê Văn R (360.072.123 đồng); Thượng Thị Bích E (319.366.500 đồng), Cao Văn H2 (12.050.000 đồng); các cá nhân nhỏ lẻ khác là 17.005.803 đồng. Sau đó bị cáo Y nhận tiền này từ họ để sử dụng. Với thủ đoạn trên, mỗi năm ngoài bảng dự toán kinh phí hoạt động trong năm, bị cáo G đã ký 24 bảng lương hàng tháng để gửi kho bạc huyện B và Ngân hàng N cùng nhiều chứng từ không hợp lệ khác nhưng cho rằng bị cáo không hay biết hoặc không phát hiện ra hành vi của Y là không có căn cứ để chấp nhận. Cần xem xét lại trách nhiệm của bị cáo G đối với số tiền quy kết bị cáo Y đã chiếm đoạt 1.416.136.571 đồng.

Cả hai bị cáo nhìn nhận khoản tiền chênh lệch là do nâng khống, nhưng bị cáo G cho rằng bản thân không hay biết và không bàn bạc, chỉ đạo cho bị cáo Y làm mà chỉ do bị cáo chủ quan, tin tưởng vào bị cáo Y; các cơ quan tố tụng đã chấp nhận vì cho rằng bị cáo Y không có chứng cứ chứng minh vai trò của bị cáo G. Tuy nhiên, theo trình bày của bà Nguyễn Thị Kim T2 – Kế toán thuộc Phòng G được giao quản lý theo dõi tình hình tài chính của Trường THCS A thì mỗi năm trường phải lập dự toán 02 lần vào tháng 7 và giữa tháng 11 để Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo Phòng Tài chính huyện cấp dự toán. Bên cạnh đó

hàng quý các trường phải quyết toán chứng từ hoặc quyết toán 06 tháng một lần. Tuy vậy trường THCS A trong 04 năm (từ 2017 đến 2020) chỉ thực hiện quyết toán 01 lần vào năm 2017, còn các năm 2018, 2019 và 2020 trường không thực hiện quyết toán. Năm 2019 bà T2 có gửi văn bản nhắc nhở việc quyết toán cho trường; tại lời khai của bị cáo G trong giai đoạn điều tra (BL 3358, 3359, 3369) cũng thừa nhận tháng 03/2019 có được Y báo dư 380.000.000 đồng – khoản tiền này các bị cáo có nêu trong “*Bản đề nghị*” về khắc phục sai phạm qua thanh tra, cả hai bị cáo cũng cùng ký tên vào văn bản trên với nội dung “*việc nâng khống hệ số lương, phụ cấp năm 2019, 2020 là sai quy định*”.

Ngoài ra, theo trình bày của bà Phạm Thị Thùy D – nhân viên Kho bạc Nhà nước huyện B thì theo quy trình, việc chuyển khoản thanh toán lương cho trường được thực hiện hàng tháng, khi trường gửi hồ sơ thanh toán lương kèm giấy rút dự toán cho Kho bạc huyện thì sẽ được kiểm tra, nếu khớp đúng thì Kho bạc hạch toán chuyển khoản chứng từ chuyển tiền đến Ngân hàng N với tổng số tiền theo giấy rút dự toán, đồng thời trường cũng gửi cho Ngân hàng một bảng thanh toán lương trong đó nêu rõ số tài khoản, số tiền chuyển khoản cho từng giáo viên để ngân hàng thực hiện lệnh chuyển khoản. Như vậy, mỗi năm với tư cách đại diện chủ tài khoản, bị cáo G phải ký 12 bảng lương trong hồ sơ dự toán hàng tháng để gửi Kho bạc và gửi Ngân hàng, thế nhưng căn cứ các bảng lương đã thu thập, có chênh lệch về số tiền giữa các bảng gửi cho 2 đơn vị này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Y khai hàng tháng làm 02 bảng lương khác nhau để trình bị cáo G ký gửi 02 đơn vị nêu trên, từ 2017 đến 2020 trung bình đã làm 96 bảng lương cho bị cáo G ký; bị cáo G khai những bảng lương bị cáo ký lại là do Y đưa ra lý do lỡ làm sai, phải trình ký lại để sửa chữa nên tin tưởng ký vào mà không phát hiện có chênh lệch, cũng không yêu cầu thu lại bảng đã ký trước đó để hủy và đã bị Y lợi dụng để vi phạm. Việc các bị cáo có lời khai không thống nhất về việc soạn thảo và ký 02 bảng lương khác nhau vẫn chưa được xác minh, làm rõ.

Đối với các Quyết định nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn đối với 36 giáo viên, nhân viên trong trường: tại phiên tòa bị cáo G thừa nhận đã ký theo văn bản do bị cáo Y trình, trong khi theo quy định tại Thông tư 08/2013/TT-BNV và Thông tư 03/2021/TT-BNV thể hiện kỳ hạn nâng lương thường xuyên là từ 02 đến 03 năm/lần, nâng lương trước hạn từ 03 tháng đến 06 tháng. Việc bị cáo G vẫn ký các Quyết định nâng lương liên tục trong năm 2017, 2018, 2019 cho một số giáo viên, nhân viên trong trường với lý do thiếu kiến thức quản lý, tin tưởng vào bị cáo Y mà ký các quyết định này và lời trình bày này được cấp sơ thẩm chấp nhận của bị cáo là chưa làm rõ về mặt ý thức chủ quan của bị cáo. Do vậy đối với Nguyễn Thị G, trong thời gian xảy ra sai phạm của vụ án, bị cáo với tư cách là Hiệu trưởng, chủ tài khoản của trường ngoài việc không sát sao trong quá trình quản lý để xảy ra thất thoát tài sản cũng cần phải điều tra, xem xét lại về nhận thức của bị cáo đối với các vi phạm cụ thể.

Các tài liệu chứng cứ do bị cáo Y xuất trình có những nội dung liên quan đến việc chi số tiền chênh lệch do nâng khống bậc lương, phụ cấp là những chứng cứ mới phát sinh trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, cần được xác minh cụ thể mà không thể khắc phục trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Do còn có vi phạm về thủ tục tố tụng, cần thu thập thêm chứng cứ nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của bị cáo G. Để đảm bảo xét xử đúng người đúng tội, xét cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Võ Hoàng Y, hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định.

Về án phí: do hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại nên chưa bị cáo nào phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị G, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Võ Hoàng Y, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre để điều tra lại vụ án theo quy định.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và chưa phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.Q

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1);
- TAND tỉnh Bến Tre (1);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1);
- Công an tỉnh Bến Tre (1);
- Người tham gia tố tụng (5)
- Lưu VP(3), HS(2). 19b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ